

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 228/2026/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 7 năm 2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Đăng Thiện

- Ông Lê Doãn Quế

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Lê Anh Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Không.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1020/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/6/2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị T; Sinh năm: 1989.

CCCD số: 035189010101; cấp ngày: 01/9/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Thôn Trung Hiếu Hạ, xã Thanh Lâm, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Lữ Văn H; Sinh năm: 1988.

CCCD số: 038088043968; cấp ngày: 18/5/2023; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Thôn Thọ Lộc, xã Yên Trường, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 3 năm 2026 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị T trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:**

Chị T và anh Lữ Văn H chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới

theo phong tục địa phương và đã thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Yên Trung, huyện Yên Định (nay là xã Yên Trường), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 04/5/2010. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng phải đi làm ăn xa cách, không thường xuyên gặp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau dẫn đến không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, đường ai nấy đi không còn quan tâm tới nhau. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lữ Văn H.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:* Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Lữ Hoàng Nam, sinh ngày 19/10/2010 và Lữ Ngọc Thùy Linh, sinh ngày 21/12/2011. Từ khi vợ chồng ly thân thì cả hai cháu ở cùng với anh H và bà nội, chị T hàng tháng gửi tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng về cho anh H nuôi con. Để thuận lợi cho các con ăn học nên khi ly hôn chị T đề nghị giao cả hai cháu Hoàng Nam và Thùy Linh cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị T tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng cho cả hai con, đến khi các con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung và công nợ:* Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lữ Văn H trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh H thống nhất với phần nội dung về việc đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng. Trong quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó vì kinh tế nên anh H phải đi làm ăn xa gia đình, từ đó vợ chồng mâu thuẫn và không có tiếng nói chung, đến năm 2016 vợ chồng đã ly thân và ai có cuộc sống riêng của người đó, không còn quan tâm tới nhau. Nay chị T yêu cầu được ly hôn thì anh H, xét thấy tình cảm không còn nên anh H cũng đồng ý ly hôn với chị T.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh H xác nhận giữa anh và chị T có hai con chung như chị T trình bày là đúng. Trường hợp phải ly hôn thì anh H đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con và đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- *Về tài sản chung và công nợ:* Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành 02 lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H vẫn không có mặt để tham gia hòa giải. Do đó Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Chị Đỗ Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh Lữ Văn H. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bị đơn anh Lữ Văn H có nơi cư trú tại thôn Thọ Lộc, xã Yên Trường, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chị T và bị đơn anh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với chị T và anh H.

Kiểm sát viên được phân công tham gia phiên tòa vắng mặt có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 232 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

- *Về hôn nhân*:

Nguyên đơn chị Đỗ Thị T và bị đơn anh Lữ Văn H chung sống với nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 04/5/2010 tại UBND xã Yên Trung, huyện Yên Định (nay là xã Yên Trường), tỉnh Thanh Hóa, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng đi làm ăn xa mỗi người một nơi dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, chị T và anh H đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không còn tình cảm, không còn quan tâm tới nhau. Do đó chị T đề nghị được ly hôn anh H; anh H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn chị T.

Quá trình thu thập chứng cứ tại địa phương phản ánh: Anh H và chị T trong thời gian sinh sống tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không biết vì không có báo cáo với chính quyền địa phương; Xác nhận hiện tại chị T không ở cùng với anh H; Anh H và chị T có đăng ký kết hôn và có hai con chung như trình bày của chị T, anh H là đúng thực tế; hiện tại hai cháu Hoàng Nam và Thùy Linh đang ở với anh H tại địa phương, thôn Thọ Lộc, xã Yên Trường, tỉnh Thanh Hóa.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh H là có căn cứ.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con*:

Chị T và anh H công nhận vợ chồng có hai con chung là Lữ Hoàng Nam, sinh ngày 19/10/2010 và Lữ Ngọc Thùy Linh, sinh ngày 21/12/2011. Chị T và anh H đều thống nhất giao cả hai con cho anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con với số tiền 3.000.000 đồng/tháng, cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: Xét thấy hiện tại hai cháu Nam và Linh đang ở với anh H; anh H có đủ điều kiện để nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục con đảm bảo tốt về mọi mặt; Để đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của các cháu nên khi ly hôn giao cả hai cháu Nam và Linh cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với yêu cầu của chị T, anh H và ý kiến của các cháu; chị T, anh H thống nhất chị T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung 3.000.000 đồng/tháng. Xét thấy yêu cầu của chị T và anh H là phù hợp nên được chấp nhận.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Chị T, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng định kỳ nuôi con chung theo quy định.

- *Về quyền kháng cáo*: Chị T, anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 232; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị T.

Chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Lữ Văn H.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh H công nhận vợ chồng có hai con chung là Lữ Hoàng Nam, sinh ngày 19/10/2010 và Lữ Ngọc Thùy Linh, sinh ngày 21/12/2011. Khi ly hôn giao cả hai cháu Nam và Linh cho anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T phải cấp dưỡng nuôi hai con chung 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2026 cho đến

khi cháu Nam, cháu Linh đủ 18 tuổi. Chị T có quyền qua lại thăm nom các con không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ: Nguyên đơn chị T và bị đơn anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ nuôi con chung. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0002710 ngày 08/4/2026 và được điều chỉnh tại biên lai thu số: 0002738 ngày 09/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, số tiền này được trừ vào số tiền án phí phải nộp, theo đó chị T còn phải nộp thêm 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị T, anh Lữ Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Yên Trường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Long